

PHỤ LỤC III.1

TỔNG HỢP KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ

(Kèm theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày _____ tháng _____ năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán (nghìn đồng)	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HĐ sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
*	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ								
I	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ	4.533	460	x	-	-	-	654.724.000	
1	Đất Trung tâm Y tế thành phố , Địa chỉ: Tổ 3 - phường Chiềng Sinh TP. Sơn La	4.533	460	x				654.724	Chưa có GCNQSDĐ
II	TRẠM Y TẾ XÃ , PHƯỜNG	11.211	2.634	-	-	-	-	14.113.509.200	
1	Đất Trạm Y tế phường Quyết Tâm; Địa chỉ: tổ 5 - phường Quyết Tâm - TP. Sơn La	1.455	400	x				3.905.405	Chưa có GCNQSDĐ
2	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Cọ; Địa chỉ: Bản Hóm xã	1.341	369	x				478.630	Chưa có GCNQSDĐ
3	Đất Trạm Y tế phường Chiềng Cỏi : Địa chỉ: Bản Mế - Phường Chiềng Cỏi - TP. Sơn La	829,4	120	x				174.174	Chưa có GCNQSDĐ
4	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Đen : Bản ; Tò Lọ , cã Chiềng Đen - TP. Sơn La	920	323	x				625.174	Chưa có GCNQSDĐ
5	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Ngần : Địa chỉ: Bản Phường , xã Chiềng Ngần TP. Sơn La	1.155,3	150	x				565.278	Chưa có GCNQSDĐ
6	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Xôm : Địa chỉ: bản Panh mong xã Chiềng Xôm - TP. Sơn La	1.291	243	x				423.641	Chưa có GCNQSDĐ
7	Đất Trạm Y tế xã Hua La; Địa chỉ: Bản Sàng xã Hua La - TP. Sơn La	1.505,2	230	x				401.808	GCNQSDĐ số BX 884474 ngày 03 tháng 9 năm 2014
8	Đất Trạm Y tế phường Chiềng Lề; Địa chỉ: Tổ 12 phường Chiềng Lề - Tp. Sơn La	337,6	129,2	x				708.960	GCNQSDĐ số BX 884404 ngày 05 tháng 6 năm 2014
9	Đất Trạm Y tế phường Chiềng Sinh: Địa chỉ: Tổ 3 - P. Chiềng Sinh TP. Sơn La	838,7	137	x				1.926.183	GCNQSDĐ số BX 884484 ngày 05 tháng 6 năm 2014
10	Đất Trạm Y tế phường Quyết ; Địa chỉ: Tổ 13 phường Quyết Thắng - TP. Sơn La	531,7	142	x				874.566	GCNQSDĐ số BX 884477 ngày 03 tháng 9 năm 2014

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán (nghìn đồng)	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HĐ sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
11	Đất Trạm Y tế phường Chiềng An (cũ) ; địa chỉ: Tổ 1- phường Chiềng An- TP. Sơn La	607,4	82	x				1.275.540	GCNQSDĐ số BX 884476 ngày 05 tháng 6 năm 2014
12	Đất Trạm Y tế phường Tô Hiệu; địa chỉ: Tổ 8 - phường Tô Hiệu -TP. Sơn La	399,1	309	x				2.754.150	Chưa có GCNQSDĐ
	Tổng	15.744	3.094					14.768.233	

PHỤ LỤC III.2

TỔNG HỢP KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

CỦA TRUNG TÂM Y TẾ VÀ CÁC TRẠM Y TẾ THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THUẬN CHÂU

(Kèm theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

VT: Nghìn đồng

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HD sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
	Trung tâm y tế huyện Thuận Châu	46.407,0	46.407,0	-	-	-	-	10.556.148	
I/	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN								
1	Đất Trung tâm Y tế huyện Thuận Châu; Địa chỉ: Tiểu khu 5 - Thị trấn huyện Thuận Châu	3.192	3.192					2.394.000	QĐ Số 670/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của UBND tỉnh Sơn La; chưa có giấy CNQSDĐ.
II/	TRẠM Y TẾ XÃ, THỊ TRẤN								
1	Đất Trạm y tế Thôm Mòn; Địa chỉ: Bản Nà Tý xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu	849,3	849,3					382.185	QĐ số 443/QĐ-UBND ngày 11/3/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BT 525352 ký ngày 11/3/2014
2	Đất Trạm y tế Thị Trấn; Địa chỉ: Tiểu khu 4 - Thị trấn huyện Thuận Châu	219,3	219,3					328.950	QĐ số 1689/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐĐĐ: BT 674588, ký ngày 27/6/2014
3	Đất Trạm y tế Chiềng Pha; Địa chỉ: Bản Tạng Phát xã Chiềng Pha, huyện Thuận Châu	1.762,8	1.762,8					777.395	QĐ số 1689/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BX 884545, ký ngày 27/6/2014
4	Đất Trạm y tế Chiềng Ly; Địa chỉ: Bản Phiêng Xạ + Bản Cang xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu.	1.206,6	1.206,6					1.013.544	QĐ số 1689/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BT 654586, + BT 674585 ký ngày 27/6/2014.
5	Đất Trạm y tế Tông Cọ; Địa chỉ: Bản Hình xã Tông Cọ, huyện Thuận Châu	332,6	332,6					37.251	QĐ số 1563/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BT 645102, ký ngày 16/6/2014
6	Đất Trạm y tế Tông Cọ; Địa chỉ: Bản Sen To xã Tông Cọ, huyện Thuận Châu (cơ sở mới)								Chưa có Quyết định giao đất
7	Đất Trạm y tế Phổng Lãng; Địa chỉ: Bản Lãng Luông xã Phổng Lãng, huyện Thuận Châu	1.490	1490					618.816	QĐ số 1563/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BT 67428; BT 67429 ký ngày 16/6/2014
8	Đất Trạm y tế Tông Lạnh; Địa chỉ: Bản Pằng Nà xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu	977,2	977,2					109.446	QĐ số 1574/QĐ-UBND ngày 11/6/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BT674888, ký ngày 11/6/2014
9	Đất Trạm y tế Nậm Lầu; Địa chỉ: Bản Tăng xã Nậm Lầu, huyện Thuận Châu	5.669,9	5.669,9					635.029	QĐ số 1556/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ BX 884403, ký ngày 16/6/2014
10	Đất Trạm y tế Mường Khiêng; Địa chỉ: Bản Hồng xã Mường Khiêng, huyện Thuận Châu	722,5	722,5					80.920	QĐ số 1689/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BT674584, ký ngày 27/6/2014

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HD sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
11	Đất Trạm y tế Mường É; Địa chỉ: Bản Pom Mé xã Mường É, huyện Thuận Châu	511,3	511,3					57.266	QĐ số 1501/QĐ-UBND ngày 11/6/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BT 674890, ký ngày 11/6/2014
12	Đất Trạm y tế Chiềng Ngâm; Địa chỉ: Bản Mện xã Chiềng Ngâm, huyện Thuận Châu	906,1	906,1					101.483	QĐ số 1689/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ BX 884544, ký ngày 27/6/2014
13	Đất Trạm y tế Phổng Lập; Địa chỉ: Bản Lập xã Phổng Lập, huyện Thuận Châu	646,6	646,6					72.419	QĐ số 1333/QĐ-UBND ngày 28/5/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BT 674557, ký ngày 28/5/2014
14	Đất Trạm y tế Phổng Lập; Địa chỉ: Bản Lập xã Phổng Lập, huyện Thuận Châu (cơ sở mới)								Chưa có Quyết định giao đất
15	Đất Trạm y tế Long Hẹ; Địa chỉ: Bản Nậm Nhừ xã Long Hẹ, huyện Thuận Châu	2.026,2	2.026,2					226.934	QĐ số 1330/QĐ-UBND ngày 28/5/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BT674699, ký ngày 28/5/2014
16	Đất Trạm y tế Muối Nội; Địa chỉ: Bản Phiêng Bạng xã Muối Nội, huyện Thuận Châu	706,8	706,8					79.162	QĐ số 1689/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BT674587, ký ngày 27/6/2014
17	Đất Trạm y tế É Tòng; Địa chỉ: Bản Nong Lanh A xã É Tòng, huyện Thuận Châu	689,4	689,4					77.213	QĐ số 1415/QĐ-UBND ngày 05/6/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BT 674572, ký ngày 05/6/2014
18	Đất Trạm y tế Nong Lay; Địa chỉ: Bản Huổi Khôm xã Nong Lay, huyện Thuận Châu	1.334,1	1.334,1					149.419	QĐ số 1255/QĐ-UBND ngày 26/5/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BT674892, ký ngày 26/5/2014
19	Đất Trạm y tế Co Tòng; Địa chỉ: Bản Co Tòng, xã Co Tòng, huyện Thuận Châu	1.603,6	1.603,6					179.603	QĐ số 1303/QĐ-UBND ngày 28/5/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BT 674702, ký ngày 28/5/2014
20	Đất Trạm y tế Co Mạ; Địa chỉ: Bản Co Mạ, xã Co Mạ, huyện Thuận Châu	3.340,5	3.340,5					374.136	QĐ số 1486/QĐ-UBND ngày 11/6/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BX 884688, ký ngày 11/6/2014
21	Đất Trạm y tế Bon Phặng; Địa chỉ: Bản Nong Săn, xã Bon Phặng, huyện Thuận Châu	875,6	875,6					98.067	QĐ số 1342/QĐ-UBND ngày 28/5/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BT 674889, ký ngày 28/5/2014
22	Đất Trạm y tế Chiềng Pắc; Địa chỉ: Bản Nà Lĩnh, xã Chiềng Pắc, huyện Thuận Châu	1.232,9	1.232,9					138.085	QĐ số 1689/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BX 884546, ký ngày 27/6/2014
23	Đất Trạm y tế Mường Bám; Địa chỉ: Bản Nà Hát A, xã Mường Bám, huyện Thuận Châu	2.952,4	2.952,4					330.669	QĐ số 1689/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BX 884547, ký ngày 27/6/2014
24	Đất Trạm y tế Bó Mười; Địa chỉ: Bản Đông Mạ, xã Bó Mười, huyện Thuận Châu	1.819,6	1.819,6					203.795	QĐ số 1340/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BX 753812, ký ngày 30/5/2014
25	Đất Trạm y tế Pá Lông; Địa chỉ: Bản Sáu Me, xã Pá Lông, huyện Thuận Châu	1.283,8	1.283,8					143.786	QĐ số 1321/QĐ-UBND ngày 28/5/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BT674558, ký ngày 28/5/2014

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HD sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
26	Đất Trạm y tế Chiềng La; Địa chỉ: Bản Lả Lốm, xã Chiềng La, huyện Thuận Châu	2.069,4	2.069,4					564.000	QĐ số 1321/QĐ-UBND ngày 21/5/2014 của UBND tỉnh Sơn La; Giấy CNQSDĐ: BT674558, ký ngày 21/5/2014
27	Đất Trạm y tế Púng Tra; Địa chỉ: Bản Pom Méc, xã Púng Tra, huyện Thuận Châu	1.378,0	1.378,0					154.336	Chưa có giấy CN quyền QL, SD đất
28	Đất Trạm y tế Bản Lằm; Địa chỉ: Bản Lằm, xã Bản Lằm, huyện Thuận Châu	980,4	980,4					109.801	Chưa có giấy CN quyền QL, SD đất
29	Đất Trạm y tế Phổng Lái; Địa chỉ: Bản Kiến Xương, xã Phổng Lái, huyện Thuận Châu	1.196,3	1.196,3					622.076	Chưa có giấy CN quyền QL, SD đất
30	Đất Trạm y tế Chiềng Bôm; Địa chỉ: Bản Hóm, xã Chiềng Bôm, huyện Thuận châu	3.261,8	3.261,8					365.322	Chưa có giấy CN quyền QL, SD đất
31	Đất Trạm y tế Liệp Tè; Địa chỉ: Bản Hiên, xã Liệp Tè, huyện Thuận Châu	1.170	1.170					131.040	Chưa có giấy CN quyền QL, SD đất
	TỔNG CỘNG							10.556.148	

PHỤ LỤC III.3

TỔNG HỢP KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN QUỲNH NHAI

(Kèm theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán (nghìn đồng)	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HD sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
*	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN QUỲNH NHAI								
I	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN								
1	Đất Trung tâm Y tế huyện Quỳnh Nhai, Địa chỉ: xóm 4-Mường Giàng - Quỳnh Nhai	2.187,0	2.187,0	x				938.400	GCNQSDĐ số BE 700977 ngày 26 tháng 7 năm 2012
II/	TRẠM Y TẾ XÃ, THỊ TRẤN								
1	Đất Trạm Y tế xã Mường Sại, địa chỉ: Bản Búa Bon - xã Mường Sại	1.657,9	1.657,9	x					Chưa có giấy CNQSD đất
2	Đất Trạm Y tế xã Nậm Ét, địa chỉ: Bản Nong - xã Nậm Ét	1.593,5	1.593,5	x					Chưa có giấy CNQSD đất
3	Đất Trạm Y tế xã Mường Giàng, địa chỉ: Bản Kiểu Hát- xã Mường Giàng	1.943,5	1.943,5	x					Chưa có giấy CNQSD đất
4	Đất Trạm Y tế xã Mường Khương, địa chỉ: Bản Khoang - xã Mường Khương	1.481,9	1.481,9	x					Chưa có giấy CNQSD đất
5	Đất Trạm Y tế Mường Giôn, địa chỉ: Bản Chiềng Lê - xã Mường Giôn	3.468,5	3.468,5	x					Chưa có giấy CNQSD đất
6	Đất Trạm Y tế Chiềng Ôn, địa chỉ: Bản Đán Đăm - xã Chiềng Ôn	1.070,6	1.070,6	x					Chưa có giấy CNQSD đất
7	Đất Trạm Y tế Chiềng Khoang (cũ), địa chỉ: Bản Khoang xã Chiềng Khoang	1.300,0	1.300,0	x					Chưa có giấy CNQSD đất
8	Đất Trạm Y tế Chiềng Khoang, địa chỉ: Bản He xã Chiềng Khoang	1.568,5	1.568,5	x					Chưa có giấy CNQSD đất
9	Đất Trạm Y tế Chiềng Bằng, địa chỉ bản Bía Ban - xã Chiềng Bằng	1.178,1	1.178,1	x					Chưa có giấy CNQSD đất
10	Đất Trạm Y tế Mường Chiên, địa chỉ bản Quyền xã Mường Chiên	1.315,6	1.315,6	x					Chưa có giấy CNQSD đất

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán (nghìn đồng)	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HD sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
11	Đất Trạm Y tế Chiềng Khay, địa chỉ bản Có Nàng - xã Chiềng Khay	1.920,7	1.920,7	x					Chưa có giấy CNQSD đất
12	Đất Trạm Y tế Cà Nàng, địa chỉ: bản Cà Nàng - xã Cà Nàng	3.178,4	3.178,4	x					Chưa có giấy CNQSD đất
13	Đất Trạm Y tế Phiềng Lanh, địa chỉ: Bản Phiềng Nền - xã Mường Giàng	2.432,9	2.432,9	x					Chưa có giấy CNQSD đất
	Tổng							938.400	

PHỤ LỤC III.4

TỔNG HỢP KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MUỜNG LA

(Kèm theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán (nghìn đồng)	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDD
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HD sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
*	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MUỜNG LA							23.695.082	
I/	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN							16.170.000	
1	Trung tâm Y tế huyện Mường La, Địa chỉ: Tiểu khu 5, thị trấn Ít Ong huyện Mường La	3.300,0	283,0					16.170.000	Chưa có GCNQSDĐ
II/	TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN							7.525.082	
1	Trạm y tế xã Chiềng Công (Bản Mạo xã Chiềng Công), Xã Chiềng Công, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La	5.163,4	245,0					596.403	BT674516 ngày 28/5/2014
2	Trạm y tế xã Chiềng Ân (Bản Nong Hoi Dưới xã Chiềng Ân), Xã Chiềng Ân, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La	777,0	245,0					43.512	BX 753813 ngày 28/5/2014
3	Trạm Y tế xã Tạ Bú, Xã Tạ Bú, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La	1.470,1	245,0					164.651	Chưa có giấy CNQSD đất
4	Trạm Y tế xã Chiềng Hoa (Bản Tả xã Chiềng Hoa, Xã Nậm Giôn, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La	1.829,7	245,0					119.263	Chưa có giấy CNQSD đất
5	Trạm Y tế xã Mường Bú, Xã Mường Bú, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La	3.264,0	245,0					342.720	Chưa có giấy CNQSD đất
6	Trạm Y tế xã Ít Ong, Thị trấn Ít Ong, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La	940,3	245,0					1.954.884	Chưa có giấy CNQSD đất
7	Trạm y tế xã Ngọc Chiến (Bản Đông Xương xã Ngọc CHIến), Xã Ngọc Chiến, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La	4.269,5	150,0					2.255.834	BT 645327 ngày 27/6/2014
8	Trạm Y tế xã Nậm Giôn, Xã Nậm Giôn, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La	1.380,0	245,0					289.800	Chưa có giấy CNQSD đất
9	Trạm Y tế xã Chiềng San, Xã Chiềng San, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La	1.342,7	245,0					84.593	Chưa có giấy CNQSD đất

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán (nghìn đồng)	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HD sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
10	Trạm y tế xã Chiềng Lao (Bản Nà Nong xã Chiềng Lao), Xã Chiềng Lao, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La	1.251,6	320,0					394.254	BT 645328 ngày 27/6/2014
11	Trạm Y tế xã Chiềng Muôn (Bản Hua Chiến xã Chiềng Muôn), Xã Chiềng Muôn, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La	1.299,4	245,0					72.766	BT 645331 ngày 27/6/2014
12	Trạm Y tế xã Mường Chùm (Bản Kham xã Mường Chùm), Xã Mường Chùm, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La	2.174,5	245,0					540.495	BT 645329 ngày 27/6/2014
13	Trạm Y tế xã Mường Trai, Xã Mường Trai, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La	1.152,0	245,0					241.920	Chưa có giấy CNQSD đất
14	Trạm Y tế xã Pi Toong (Bản Nà Cài xã Pi Toong), Xã Pi Toong, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La	1.286,9	75,0					210.606	BT 569878 ngày 04/4/2014
15	Trạm Y tế xã Năm Păm, Xã Nậm Păm, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La	1.434,0	245,0					150.570	Chưa có giấy CNQSD đất
16	Trạm Y tế xã Hua Trai (Bản Phiêng Phé xã Hua Trai), Xã Hua Trai, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La	997,0	245,0					62.811	BT 569859 ngày 11/4/2014

PHỤ LỤC III.5

TỔNG HỢP KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MAI SƠN

(Kèm theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày _____ tháng _____ năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HD sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
*	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MAI SƠN	48.228,6						17.248.646	
I	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN	3.788						5.682.000	
1	Đất Trung tâm Y tế huyện Mai Sơn, Địa chỉ: Tiểu khu 17 thị trấn Hát Lót - Mai Sơn -Sơn La	3.788		x				5.682.000	Giấy CNQSDĐ số AL 177143, ký ngày 9/4/2008
II/	TRẠM Y TẾ XÃ THỊ TRẤN	44.440,6						11.566.646	
1	Đất Trạm Y tế thị trấn Hát Lót, địa chỉ: Tiểu khu 17 thị trấn Hát Lót - Mai Sơn - Sơn La	600,0		x				1.350.000	Chuyển địa điểm mới đang làm thủ tục cấp lại bìa
2	Trạm Y tế xã Hát Lót, địa chỉ: Bản Yên Tiền - xã Hát Lót - Mai Sơn - Sơn La	2.483,6		x				745.080	Giấy CNQSDĐ số BX 884376 ký ngày 20/8/2014
3	Trạm Y tế xã Chiềng Ban, địa chỉ: Bản Mai Khoang xã Chiềng Ban - Mai Sơn - Sơn La	772,2		x				463.320	Giấy CNQSDĐ Số BX674512 ký ngày 20/8/2014
4	Trạm Y tế xã Chiềng Lương, địa chỉ: Bản Mòn 2 xã Chiềng Lương - Mai Sơn - Sơn La	1.918,9		x				575.670	Giấy CNQSDĐ số BX 831645 ký ngày 5/1/2015
5	Trạm Y tế xã Chiềng Chăn địa chỉ: Bản Sài Lương xã Chiềng Chăn - Mai Sơn - Sơn La	637,5		x				95.625	Giấy CNQSDĐ số BT645194 ký ngày 20/8/2014
6	Trạm y tế xã Chiềng Mai, địa chỉ: Bản Vực Bon xã Chiềng Mai - Mai Sơn - Sơn La	800		x				320.000	Chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ

7	Trạm y tế xã Chiềng Mai, địa chỉ: Bản Dăm xã Chiềng Mai - Mai Sơn - Sơn La	1.186,7		x				427.212	Giấy CNQSDĐ số CT 00878 ký ngày 20/8/2014
8	Trạm y tế xã Mường Bon, địa chỉ: Bản Bon xã Mường Bon - Mai Sơn - Sơn La	1.645		x				493.500	Giấy CNQSDĐ số BX 884374 ký ngày 20/8/2014
9	Trạm Y tế xã Chiềng Chung, địa chỉ: Bản Hạng xã Chiềng Chung - Mai Sơn - Sơn La	1.988,5		x				198.850	Giấy CNQSDĐ số BT 645192 ký ngày 20/8/2014
10	Trạm Y tế xã Nà Bó, địa chỉ: Tiểu khu 8 xã Nà Bó - Mai Sơn - Sơn La	2.000		x				120.000	Chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ
11	Trạm Y tế xã Chiềng Sung, địa chỉ: Bản Cang xã Chiềng Sung - Mai Sơn - Sơn La	4.096		x				409.660	Giấy CNQSDĐ số BT 645496 ký ngày 20/8/2014
12	Trạm Y tế xã Chiềng Mung, địa chỉ: Bản Bôm Cưa xã Chiềng Mung - Mai Sơn - Sơn La	980		x				1.646.400	Chuyển địa điểm mới đang làm thủ tục cấp lại bìa
13	Trạm y tế xã Cò Nòi, địa chỉ: Bản Cò Nòi xã Cò Nòi - Mai Sơn - Sơn La	1.883		x				1.695.060	Giấy CNQSDĐ số BX 884373 ký ngày 20/8/2014
14	Trạm Y tế xã Mường Bằng, địa chỉ: Bản Bằng Thịnh xã Mường Bằng - Mai Sơn - Sơn La	1.900		x				285.000	Giấy CNQSDĐ số BT569987 ký ngày 7/5/2014
15	Trạm Y tế xã Mường Chanh, địa chỉ: Bản Cang Mường xã Mường Chanh - Mai Sơn - Sơn La	869,9		x				89.690	Giấy CNQSDĐ số BX 645183 ký ngày 20/8//2014
16	Trạm Y tế xã Chiềng Ve ,địa chỉ: Bản Sươn xã Chiềng Ve - Mai Sơn - Sơn La	2.454		x				134.400	Giấy CNQSDĐ số BX 674817 ký ngày 20/8//2014
17	Trạm Y tế xã Chiềng Dong, địa chỉ: Bản Dề xã Chiềng Dong - Mai Sơn - Sơn La	1.931		x				193.100	Chuyển địa điểm mới đang làm thủ tục cấp lại bìa
18	Trạm Y tế xã Chiềng Nọi, địa chỉ: Bản Nhụng Dưới xã Chiềng Nọi - Mai Sơn - Sơn La	3.592		x				359.290	Giấy CNQSDĐ số BT 645190 ký ngày 20/8/2014
19	Trạm Y tế xã Phiêng Cầm, địa chỉ: Nong Tàu Thái xã Phiêng Cầm - Mai Sơn - Sơn La	590,6		x				59.060	Giấy CNQSDĐ số BT 674981 ký ngày 20/8/2014
20	Nhà đất phòng phám đa khoa khu vực Phiêng Cầm	2.741,9		x				274.190	Giấy CNQSDĐ số BT 674983 ký ngày 20/8/2014

21	Trạm Y tế xã Phiêng Pắn, địa chỉ: Bản Kết Nà xã Phiêng Pắn - Mai Sơn - Sơn La	3.229		x				322.910	Giấy CNQSDĐ số BX 645941 ký ngày 20/8/2014
22	Trạm y tế xã Tà Hộc, địa chỉ: Bản Hộc xã Tà Hộc - Mai Sơn - Sơn La	512		x				76.800	Giấy CNQSDĐ số BX 647829 ký ngày 20/8/2014
23	Trạm y tế xã Tà Hộc, địa chỉ: Bản Hộc xã Tà Hộc - Mai Sơn - Sơn La	1.867,1		x				392.091	Giấy CNQSDĐ số CT 00852 ký ngày 20/8/2014
24	Trạm Y tế xã Nà Ốt, địa chỉ: Bản Ốt Chả xã Nà Ốt - Mai Sơn - Sơn La	2.141,4		x				321.210	Giấy CNQSDĐ số BX 884383 ký ngày 20/8/2014
25	Trạm Y tế xã Chiềng Kheo, địa chỉ: Bản Lon Kéo xã Chiềng Kheo - Mai Sơn - Sơn La	1.620,4		x				518.528	Chuyển địa điểm mới đang làm thủ tục cấp lại bìa

PHỤ LỤC III.6

TỔNG HỢP KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM Y TẾ YÊN CHÂU

(Kèm theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày _____ tháng _____ năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán (nghìn đồng)	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HD sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
*	Trung tâm Y tế huyện Yên Châu	20.801,8						11.791.536,0	
I	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN								
II/	TRẠM Y TẾ XÃ THỊ TRẤN	20.801,8						11.791.536,0	
1	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Đông, địa chỉ: Bản Luông Mé, Xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu	1.001,2		x				459.800	Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
2	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Sàng, địa chỉ: Bản Chiềng Sàng, Xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu	1.321,0		x				925.610	Giấy CNQSDĐ số AL 177260, ký ngày 01/01/2008
3	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Păn, địa chỉ: Bản Thông Phiêng, Xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu	1.017,0		x				193.230	Giấy CNQSDĐ số BT 702411, ký ngày 28/04/2014
4	Đất Trạm Y tế xã Viêng Lán, địa chỉ: Bản Mường Vạt, Xã Viêng Lán, huyện Yên Châu	837,4		x				410.000	Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
5	Đất Trạm Y tế Thị Trấn, địa chỉ: Tiểu khu 1, Thị Trấn Yên Châu, huyện Yên Châu	277,0		x				947.340	Giấy CNQSDĐ: Số BT 645441, ký ngày 07/05/2014
6	Đất Trạm Y tế Thị Trấn, địa chỉ: Tiểu khu 4, Thị Trấn Yên Châu, huyện Yên Châu	823,4		x				917.280	Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
7	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Khoi, địa chỉ: Bản Pút, Xã Chiềng Khoi, huyện Yên Châu	1.754,5		x				228.085	Giấy CNQSDĐ: Số BT 569912, ký ngày 07/05/2014
8	Đất Trạm Y tế xã Sập Vạt, địa chỉ: Bản Sai, Xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	536,1		x				455.685	Giấy CNQSDĐ: Số BT 645466, ký ngày 12/09/2014
9	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Hặc, địa chỉ: Bản Đoàn Kết, Xã Chiềng Hặc, huyện Yên Châu	1.470,0		x				1.492.540	Giấy CNQSDĐ: Số BT645473, ký ngày 12/09/2014

10	Đất Trạm Y tế xã Mường Lựm, địa chỉ: Bản Luông, Xã Mường Lựm, huyện Yên Châu	767,0		x				99.710	Giấy CNQSDĐ: Số BT 569907, ký ngày 07/05/2014
11	Đất Trạm Y tế xã Tú Nang, địa chỉ: Bản Đông Khùa, Xã Tú Nang, huyện Yên Châu	1.817,6		x				418.048	Giấy CNQSDĐ: Số BT 702409, ký ngày 28/04/2014
12	Đất Trạm Y tế xã Lóng Phiêng, địa chỉ: Bản Tà Vàng, Xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu	2.282,5		x				2.009.675	Giấy CNQSDĐ: Số BT 645471, ký ngày 12/09/2014
13	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Tương, địa chỉ: Bản Pa Kha I, Xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu	1.878,9		x				244.257	Giấy CNQSDĐ: Số BT 569915, ký ngày 07/05/2014
14	Đất Trạm Y tế xã Phiêng Khoài, địa chỉ: Bản Kim Chung, Xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	2.010,0		x				2.098.440	Giấy CNQSDĐ: Số BT 645468, ký ngày 12/09/2014 (Mang tên BVĐK huyện Yên)
15	Đất Trạm Y tế xã Chiềng On, địa chỉ: Bản Nà Đít, Xã Chiềng On, huyện Yên Châu	1.663,0		x				716.960	Giấy CNQSDĐ: Số AL 177258, ký ngày 01/01/2008
16	Đất Trạm Y tế xã Yên Sơn, địa chỉ: Bản Chiềng Hung, Xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	1.345,2		x				174.876	Giấy CNQSDĐ: Số BT 569911, ký ngày 07/05/2014
	Tổng	20.801,8						11.791.536	

PHỤ LỤC III.7

TỔNG HỢP KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN SÔNG MÃ

(Kèm theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán (nghìn đồng)	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HĐ sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
*	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN SÔNG MÃ								
I/	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN								
1	Đất Trung tâm Y tế huyện Sông Mã, Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	2.471,4	2.471,4					11.566.252	Chưa có GCNQSDĐ
II/	TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN								
1	Đất Trạm Y tế xã Chiềng En, địa chỉ: Bản Lung, xã Chiềng En, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	1.505,0	1.505,0					120.400	GCNQSDĐ số BT 569818 ngày 27/6/2014
2	Đất Trạm Y tế xã Huổi Một, địa chỉ: Bản Pá Mẩn, xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	1.332,0	1.332,0					289.080	Chưa có GCNQSDĐ
3	Đất Trạm Y tế xã Nậm Mẩn, địa chỉ: Bản Nậm Mẩn, xã Nậm Mẩn, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	594,4	594,4					47.552	GCNQSDĐ số 569828 ngày 06/6/2014
4	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Sơ, địa chỉ: Bản Luẩn, xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	1.708,3	1.708,3					136.664	GCNQSDĐ số BT 569819 ngày 27/6/2014
5	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Khoong, địa chỉ: Bản Lè, xã Chiềng Khoong, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	1.868,0	1.868,0					392.280	GCNQSDĐ số 569988 ngày 05/6/2014
6	Đất Trạm Y tế xã Mường Sai, địa chỉ: Bản Tiên Chung, xã Mường Sai, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	1.009,3	1.009,3					252.325	GCNQSDĐ số 569899 ngày 27/6/2014
7	Đất Trạm Y tế xã Yên Hưng, địa chỉ: Bản Pái Dìa, xã Yên Hưng, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	1.455,9	1.455,9					131.031	Chưa có GCNQSDĐ

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán (nghìn đồng)	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HD sự nghịệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
8	Đất Trạm Y tế xã Yên Hưng (cũ), địa chỉ: Bản Pải, xã Yên Hưng, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	1.346,7	110,0					538.680	GCNQSDĐ số BT 569821 ngày 27/6/2014
9	Đất Trạm Y tế xã Nậm Ty, địa chỉ: Bản Pàn, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	2.036,0	2.036,0					162.880	GCNQSDĐ số BX 831639 ngày 05/01/2015
10	Đất Trạm Y tế xã Mường Cai, địa chỉ: Bản Nà Kham, xã Mường Cai, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	1.396,4	1.396,4					181.532	GCNQSDĐ số BT 569823 ngày 27/6/2014
11	Đất Trạm Y tế xã Đứa Mòn, địa chỉ: Bản Nộc Cốc, xã Đứa Mòn, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	1.877,9	1.877,9					300.464	Chưa có GCNQSDĐ
12	Đất Trạm Y tế xã Nà Nghịu, địa chỉ: Bản Cánh Kiến, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	5.507,2	5.507,2					161.286	Chưa có GCNQSDĐ
13	Đất Trạm Y tế xã Pú Bấu, địa chỉ: Bản Pá Ca, xã Pú Bấu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	1.127,6	1.127,6					67.656	GCNQSDĐ số BT 569815 ngày 27/6/2014
14	Đất Trạm Y tế xã Mường Hung, địa chỉ: Bản Cát, xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	2.843,5	2.843,5					99.522	Chưa có GCNQSDĐ
15	Đất Trạm Y tế xã Bó Sinh, địa chỉ: Bản Phổng 2, xã Bó Sinh, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	2.136,0	2.136,0					320.400	Chưa có GCNQSDĐ
16	Đất Trạm Y tế xã Mường Lầm, địa chỉ: Bản Mường Cang, xã Mường Lầm, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	1.507,8	1.507,8					1.055.460	GCNQSDĐ số BX 884032 ngày 27/6/2014
17	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Cang, địa chỉ: Bản Chiềng Cang, xã Chiềng Cang, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	1.917,0	1.917,0					287.550	GCNQSDĐ số BT 569820 ngày 27/6/2014
18	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Phung, địa chỉ: Bản Chiềng Vàng, xã Chiềng Phung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	2.291,0	2.291,0					357.396	Chưa có GCNQSDĐ
19	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Khương, địa chỉ: Bản Tân Lập, xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	1.751,5	1.751,5					1.356.020	Chưa có GCNQSDĐ
20	Đất Trạm Y tế xã Mường Hung (cũ), địa chỉ: Bản Mường Hung, xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	1.640,0	1.640,0					1.000.400	GCNQSDĐ số CT00596 ngày 27/6/2014

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán (nghìn đồng)	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HĐ sự nghịệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
21	Đất Trạm Y tế xã Bó Sinh (cũ), địa chỉ: Bản Phổng II, xã Bó Sinh, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	500,0	500,0					30.000	Chưa có GCNQSDĐ
22	Đất Trạm Y tế xã Đứa Mòn (cũ), địa chỉ: Bản Đứa, xã Đứa Mòn, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	299,3	299,3					59.860	GCNQSDĐ số CT00429 ngày 26/6/2014
23	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Phung (cũ), địa chỉ: Bản Chiềng Vàng, xã Chiềng Phung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	498,5	498,5					99.700	GCNQSDĐ số CT00592 ngày 26/6/2014
24	Đất Trạm Y tế xã Huổi Một (cũ), địa chỉ: Bản Pá Công, xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	950,5	950,5					570.300	GCNQSDĐ số CT00591 ngày 26/6/2014
25	Đất Trạm Y tế xã Mường Lăm (cũ), địa chỉ: Bản Mường Cang, xã Mường Lăm, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	862,0	862,0					603.400	GCNQSDĐ số CT00561 ngày 27/6/2014
26	Đất Trại tạm DS-KINHDI huyện (cũ), địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	294,0	294,0					1.999.200	Chưa có GCNQSDĐ
27	Đất Trạm Y tế thị trấn Sông Mã	-	-					-	Chưa được giao đất
	Tổng							22.187.290	

PHỤ LỤC III.8

TỔNG HỢP KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CỦA TRUNG TÂM Y TẾ VÀ CÁC TRẠM Y TẾ THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN SÓP CỘP

(Kèm theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HD sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
	Trung tâm Y tế huyện Sốp Cộp								
I/	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN	2.319	528	-	-	-	-	1.582.452	
1	Đất Trung tâm Y tế huyện Sốp Cộp, Địa chỉ: Bản Sốp Nặm, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	2.319	528		-	-	-	1.582.452	Chưa có giấy chứng nhận QSDĐ
II/	TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	14.546,0		3.334,0				28.165.899	
1	Đất Trạm Y tế xã Dồm Cang, địa chỉ: Bản Dồm - Dồm Cang	4.310		320				2.371.300	Chưa có giấy chứng nhận QSDĐ
2	Đất Trạm Y tế xã Mường Lạn, địa chỉ: Bản Mường Lạn	870		445				3.740.394	GCNQSDĐ số: BX753988 ngày 02 tháng 02 năm 2015
3	Đất Trạm Y tế xã Mường Lèo, địa chỉ: Bản Liềng - Mường Lèo	3.249		465				3.296.790	GCNQSDĐ số: BX753949 ngày 17 tháng 07 năm 2014
4	Đất Trạm Y tế xã Mường Và, địa chỉ: Bản Mường Và	899		240				2.530.811	GCNQSDĐ số: BX753986 ngày 02 tháng 02 năm 2015
5	Đất Trạm Y tế xã Nậm Lạnh, địa chỉ: Bản Lạnh - Nậm Lạnh	698		360				3.098.300	GCNQSDĐ số: BX753947 ngày 17 tháng 07 năm 2014
6	Đất Trạm Y tế xã Púng Bính, địa chỉ: Bản Nà Liền - Púng Bính	2.487		750				6.463.617	GCNQSDĐ số: BX831501 ngày 17 tháng 07 năm 2014
7	Đất Trạm Y tế xã Sam Kha, địa chỉ: Bản Púng Báng - Sam Kha	1.261		445				3.714.687	GCNQSDĐ số: BX753983 ngày 17 tháng 07 năm 2014
8	Đất Trạm Y tế xã Sốp Cộp, địa chỉ: Bản Sốp Cộp - Sốp Cộp	772		309				2.950.000	Chưa có giấy chứng nhận QSDĐ

PHỤ LỤC III.9

**TỔNG HỢP KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
CỦA TRUNG TÂM Y TẾ VÀ TRẠM Y TẾ THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MỘC CHÂU**

(Kèm theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán (nghìn đồng)	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HD sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
	Trung tâm Y tế huyện Mộc Châu								
I	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN								
1	Đất Trung tâm Y tế huyện Mộc Châu, Địa chỉ:tiểu khu 2, thị trấn Mộc Châu	400		400					Chưa có giấy chứng nhận QSDĐ
II/	TRẠM Y TẾ XÃ THỊ TRẤN								
1	Đất Trạm Y tế xã Quy Hướng, địa chỉ:bản Suối Giăng 2, xã Quy Hướng , huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La,	700		700					Chưa có giấy chứng nhận QSDĐ
2	Đất Trạm Y tế thị trấn Mộc Châu, địa chỉ:Tiểu khu 5, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La,	1.318,3		1.318,3				855.768	GCNQSDĐ số BX 884516 ngày 23 tháng 4 năm 2014
3	Đất Trạm Y tế thị trấn Nông trường Mộc Châu, địa chỉ:Tiểu khu 68, thị trấn NT Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Tỉnh Sơn La	606,1		606,1				1.658.190	GCNQSDĐ số BX 884517 ngày 24 tháng 7 năm 2014
4	Đất Trạm Y tế xã Tà Lại, địa chỉ: Bản C5, xã Tà lại, huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La	2.513,9		2.513,9				100.556	GCNQSDĐ số BX 884519 ngày 24 tháng 7 năm 2014
5	Đất Trạm Y tế xã Nà Mường, địa chỉ: Bản Pa Lay, xã Nà Mường, huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La	1.190,6		1.190,6				186.460	GCNQSDĐ số BX 884511 ngày 16 tháng 11 năm 2013
6	Đất Trạm Y tế xã Tân Lập, địa chỉ: Tiểu khu 12, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	1.517,3		1.517,3				272.023	GCNQSDĐ số BX 884511 ngày 16 tháng 11 năm 2013

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán (nghìn đồng)	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HD sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
	Trung tâm Y tế huyện Mộc Châu								
7	Đất Trạm Y tế xã Phiêng Luông, địa chỉ: bản Muống, xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	1.480,5		1.480,5				111.579	GCNQSDĐ số BX 884426 ngày 24 tháng 7 năm 2014
8	Đất Trạm Y tế xã Hua Păng, địa chỉ: Bản Chiềng Cang, xã Hua Păng, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	1.300,6		1.300,6				251.752	GCNQSDĐ số BX 753836 ngày 7 tháng 4 năm 2014
9	Đất Trạm Y tế xã Tân Hợp, địa chỉ: Bản Nà Mường, xã Tân Hợp, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	1.009,7		1.009,7				40.388	GCNQSDĐ số BT 569861 ngày 7 tháng 4 năm 2014
10	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Sơn, địa chỉ: Tiểu khu 3, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	2.670,4		2.670,4				274.660	GCNQSDĐ số BX 753833 ngày 4 tháng 4 năm 2014
11	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Khừa, địa chỉ: Bản Tòng, xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	1.676,1		1.676,1				84.695	GCNQSDĐ số BX 884427 ngày 6 tháng 5 năm 2014
12	Đất Trạm Y tế xã Mường Sang, địa chỉ: Bản Bãi Sậy, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	502,6		502,6				20.104	GCNQSDĐ số BX 884429 ngày 26 tháng 5 năm 2014
13	Đất Trạm Y tế xã Lóng Sập, địa chỉ: Bản Phát, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	1.417,6		1.417,6				151.732	GCNQSDĐ số BX 884522 ngày 24 tháng 7 năm 2014
14	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Hắc, địa chỉ: Bản Tây Hưng, xã Chiềng Hắc huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn la	2.458,4		2.458,4				100.712	GCNQSDĐ số BX 884524 ngày 24 tháng 7 năm 2014
15	Đất Trạm Y tế xã Đông Sang, địa chỉ: Bản Áng, xã Đông Sang huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn la	984,4		984,4				294.330	GCNQSDĐ số BX 884523 ngày 24 tháng 7 năm 2014
	Tổng	21.347	-	21.347	-	-	-	4.402.949	

PHỤ LỤC III.10									
TỔNG HỢP KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP									
CỦA TRUNG TÂM Y TẾ VÀ CÁC TRẠM Y TẾ THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VÂN HỒ									
(Kèm theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)									
ĐVT: Nghìn đồng									
STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HD sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
	Trung tâm y tế huyện Vân Hồ								
I/	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN								
1	Đất Trung tâm Y tế huyện Vân Hồ, Địa chỉ: Bản Suối Lìn xã Vân Hồ	10024	10024					632.533	Chưa có bìa
2	Đất Trung tâm Y tế huyện Vân Hồ, Địa chỉ: Tiểu khu Sao Đỏ xã Vân Hồ	1240	1240					4.210.080	Chưa có bìa
II/	TRẠM Y TẾ XÃ								
1	Trạm YT xã xã vân Hồ - Bản Hang Trùng I	1787,7	1787,7					538.871	GCNQSDĐ số BX: 884692 ngày 27/06/2014
2	Trạm Y tế xã Lóng Luông - Bản Co Lóng Xã Lóng Luông	5863	5863					287.287	GCNQSDĐ số BX: 884698 ngày 27/06/2014
3	Trạm YT xã Chiềng Yên - Bản Bồng Hà Xã Chiềng yên	322,8	322,8					361.536	GCNQSDĐ số BX: 884700 ngày 27/06/2014
4	Trạm Y tế xã Chiềng Xuân - Bản Suối Quanh xã Chiềng Xuân	2074,2	2074,2					232.310	GCNQSDĐ số BX: 884501 ngày 27/06/2014
5	Trạm y tế xã Chiềng Khoa - Bản Nà Đò xã Chiềng Khoa	993,4	993,4					316.694	GCNQSDĐ số BX: 884502 ngày 27/06/2014
6	Trạm Y tế Mường Men - Bản Nà Pa xã Mường Men	1392,5	1392,5					155.960	GCNQSDĐ số BX: 884697 ngày 27/06/2014
7	Trạm Y tế Tô Múa - Bản Mến xã Tô Múa	1057,7	1057,7					450.330	GCNQSDĐ số BX: 831738 ngày 05/01/2015
8	Trạm Y tế Suối Bàng - Bản Khoang Tuống xã Suối Bàng	1243,7	1243,7					139.294	GCNQSDĐ số BX: 884694 ngày 27/06/2014
9	Trạm y tế Song Khủa - Bản Lóng Khủa xã Song Khủa	1571,5	1571,5					202.205	GCNQSDĐ số BX: 831644 ngày 05/01/2015
10	Trạm Y tế Quang Minh - Bản Bó xã Quang Minh	1062,8	1062,8					89.276	GCNQSDĐ số BX: 884695 ngày 27/06/2014
11	Trạm Y tế Mường Tè - Bản Nhúng xã Mường Tè	1140	1140					119.700	GCNQSDĐ số BX: 884696 ngày 27/06/2014
12	Trạm Y tế Xuân Nha - Bản Thín, xã Xuân Nha	5379,6	5379,6						Chưa có bìa (Diện tích tạm tính)
13	Trạm Y tế Tân Xuân- Bản Bướn, xã Tân Xuân	3451,2	3451,2						Chưa có bìa (Diện tích tạm tính)
14	Trạm Y tế Liên Hòa bản Nôn, xã Liên Hòa	1706,5	1706,5						Chưa có bìa (Diện tích tạm tính)
	Tổng	29.773	29.773					7.736.075	

PHỤ LỤC III.11

TỔNG HỢP KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BẮC YÊN

(Kèm theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán (nghìn đồng)	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HD sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
*	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BẮC YÊN	29.503,6						-	
I	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN	3.863,8							
1	Đất Trung tâm Y tế huyện Bắc Yên, Địa chỉ: Tiểu khu II, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	3.863,8		x					Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
II/	TRẠM Y TẾ CÁC XÃ THỊ TRẤN	25.639,8						-	
1	Đất Trạm Y tế thị trấn, địa chỉ: Tiểu khu Phiêng Ban II. Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên	1.129,6		x					Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
2	Đất Trạm Y tế xã Phiêng Ban, địa chỉ: Bản Tân Ban, Xã Phiêng Ban, huyện Bắc Yên	836,8		x					Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
3	Đất Trạm Y tế xã Song Pe, địa chỉ: Bản Pe, Xã Song Pe, huyện Bắc Yên	2.264,9		x					Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
4	Đất Trạm Y tế xã Mường Khoa, địa chỉ: BảnPhúc, Xã Mường Khoa, huyện Bắc Yên	1.096,1		x					Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
5	Đất Trạm Y tế xã Hồng Ngải, địa chỉ: Bản Hồng Ngải, Xã Hồng Ngải, huyện Bắc Yên	2.592,9		x					Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
6	Đất Trạm Y tế xã Tạ Khoa, địa chỉ: Bản Nhạn Nọc, Xã Tạ Khoa, huyện Bắc Yên	1.516,3		x					Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
7	Đất Trạm Y tế xã Chim Vàn, địa chỉ: Bản Vàn, Xã Chim Vàn, huyện Bắc Yên	1.293,8		x					Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán (nghìn đồng)	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HD sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
8	Đất Trạm Y tế xã Pắc Ngà, địa chỉ: Bản Bưóc, Xã Pắc Ngà, huyện Bắc Yên	2.696,9		x					Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
9	Đất Trạm Y tế xã Tà Xùa, địa chỉ: Bản Tà Xùa, Xã Tà Xùa, huyện Bắc Yên	1.017,1		x					Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
10	Đất Trạm Y tế xã Làng Chếu, địa chỉ: Bản Trang Dua Hang Xã Làng Chếu, huyện Bắc Yên	1.730,4		x					Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
11	Đất Trạm Y tế xã Xím Vàng, địa chỉ: Bản Xím Vàng, Xã Xím Vàng,, huyện Bắc Yên	1.082,2		x					Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
12	Đất Trạm Y tế xã Hang Chú, địa chỉ: Bản Hang Chú, Xã Hang Chú, huyện Bắc Yên	1.267,4		x					Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
13	Đất Trạm Y tế xã Hua Nhàn, địa chỉ: Bản Hua Nong, Xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên	1.572,5		x					Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
14	Đất Trạm Y tế xã Háng Đồng, địa chỉ: Bản Háng Đồng, Xã Háng Đồng, huyện Bắc Yên	768,7		x					Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
15	Đất Trạm Y tế xã Chiềng Sại, địa chỉ: Bản Nà Dòn, Xã Chiềng Sại, huyện Bắc Yên	4.658,7		x					Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
16	Đất Trạm Y tế xã Phiêng Côn, địa chỉ: BảnEn, Xã Phiêng Côn, huyện Bắc Yên	1.132,6		x					Chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất

PHỤ LỤC III.12

**TỔNG HỢP KÊ KHAI TRỤ SỔ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
CỦA TRUNG TÂM Y TẾ VÀ CÁC TRẠM Y TẾ THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÙ YÊN**

(Kèm theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày _____ tháng _____ năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HD sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
	Trung tâm Y tế huyện Phù Yên								
I/	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN	1.343	1.096	-	-	-	-	6.044	
	Đất Trung tâm Y tế huyện Phù Yên, Địa chỉ: Tiểu Khu 1, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	1.343	1096					6.043,500	Chưa có GCNQSDĐ đất
II/	TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	38.640	7.795	-	-	-	-	8.976	
	Trạm Y tế xã Mường Bang Đ/c: Bản Sọc, xã Mường Bang, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	1.135	799,92					136,200	Chưa có GCNQSDĐ đất
	Trạm Y tế xã Mường Do Đ/c: Bản Lăn, xã Mường Do, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	5.179	1290,31					1.553,700	Chưa có GCNQSDĐ đất
	Trạm Y tế xã Mường Lang Đ/c: Bản Đung, xã Mường Lang, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	766,9	210					92,028	BT 674308
	Trạm Y tế xã Tân Lang Đ/c: Bản Khến Tiên, xã Tân Lang, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	1.289	149					154,680	BX 831203
	Trạm Y tế xã Mường Cơi Đ/c: Bản Ngã Ba, xã Mường Cơi, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	769	165					154,680	BX 831393
	Trạm Y tế xã Mường Thái Đ/c: Bản Thái, xã Mường Thái, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	2.301	147					276,120	BX 831392
	Trạm Y tế xã Huy Thượng Đ/c: Bản Úm 2, xã Huy Thượng, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	746	111					373,000	BX 831201

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HD sự nghiệp (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
	Trạm Y tế xã Huy Tân Đ/c: Bản Puôi 2, xã Huy Tân, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	2.206	451					264,720	BX 831397
	Trạm Y tế xã Quang Huy Đ/c: Bản Búc, xã Quang Huy, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	1.050	197					126,000	BX 831395
	Trạm Y tế Thị Trấn Đ/c: Tiểu khu 5, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	500	113,4					300,000	Chưa có GCNQSD đất
	Trạm Y tế xã Huy Bắc Đ/c: Bản Nà Phái 1, xã Huy Bắc, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	488	137					122,000	BX 831538
	Trạm Y tế xã Huy Hạ Đ/c: Bản Trò 1, xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	987,3	75					1.184,760	Chưa có GCNQSD đất
	Trạm Y tế xã Huy Tường Đ/c: Bản Tiến Phong, xã Huy Tường, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	448,5	142					53,820	BX 884776
	Trạm Y tế xã Tường Phù Đ/c: Bản Bùa Chung 1, xã Tường Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	1.060	240					265,000	BX 884778
	Trạm Y tế xã Gia Phù Đ/c: Bản Nà Mạc, xã Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	1.592	160					1.337,280	BX 884788
	Trạm Y tế xã Tường Thượng Đ/c: Bản Đồng La, xã Tường Thượng, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	2.562,6	125					307,512	BX 884771
	Trạm Y tế xã Tường Hạ Đ/c: Bản Đồng La, xã Tường Thượng, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	685,2	129					171,300	BT 674306
	Trạm Y tế xã Tường Tiến Đ/c: Bản Pa, xã Tường Tiến, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	511,5	294,84					61,380	Chưa có GCNQSD đất
	Trạm Y tế xã Tường Phong Đ/c: Bản Hạ Lương, xã Tường Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	983	374					117,960	BX 884780

STT	Địa chỉ	Diện tích khuôn viên đất	Hiện trạng sử dụng					Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Ký hiệu, số giấy chứng nhận QSDĐ
			Làm trụ sở làm việc (m2)	Làm cơ sở HD sự nghị (m2)	Cho thuê (m2)	Liên doanh liên kết (m2)	Sử dụng khác (m2)		
	Trạm Y tế xã Tân Phong Đ/c: Bản Vạn Yên, xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	3.329	75					998,700	BT 674307
	Trạm Y tế xã Tân Phong Đ/c: Bản Vạn Yên, xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La								Chưa tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
	Trạm Y tế xã Nam Phong Đ/c: Bản Đá Mài, xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	900	274					108,000	Chưa có GCNQSD đất
	Trạm Y tế xã Nam Phong Đ/c: Bản Đá Mài, xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	2.337	75						Chưa có GCNQSD đất
	Trạm Y tế xã Bắc Phong Đ/c: Bản Trung Phong, xã Bắc Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	1.424	280					170,880	BT 569965
	Trạm Y tế xã Đá Đỏ Đ/c: Bản Bãi Vàng, xã Đá Đỏ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	1.500	348,6					180,000	BT 525400
	Trạm Y tế xã Sập Xa Đ/c: Bản Xa, xã Sập Xa, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	1.346	395					161,520	BT 525359
	Trạm Y tế xã Kim Bon Đ/c: Bản Bường Pa, xã Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	1.247,8	140					149,736	Chưa có GCNQSD đất
	Trạm Y tế xã Suối Bau Đ/c: Bản Suối Chèo, xã Suối Bau, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	600	740					72,000	Chưa có GCNQSD đất
	Trạm Y tế xã Suối Tọ Đ/c: Bản Lũng Khoai, xã Suối Tọ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	696	156,5					83,520	BX 884786